

Số: 38 /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2262/TTr-SNV ngày 03 tháng 9 năm 2019; Báo cáo thẩm định số 46/BCTĐ-STP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng.



Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 2958/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện tại thành phố Hải Phòng; Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi một số điều Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện tại thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2958/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / .

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- CPVP UBND TP;
- Báo HP, Đài PT & TH HP, Cổng thông tin điện tử TP, Công báo TP;
- TP.KSTTHC;
- Lưu: VT. / .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc tại thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, bao gồm:

a) Trưởng phòng, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở (gọi chung là Trưởng phòng và tương đương); Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Chánh Thanh tra Sở (gọi chung là Phó Trưởng phòng và tương đương).

b) Trưởng ban Ban Tôn giáo, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng, Chi cục trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ (gọi chung là Trưởng ban, Chi cục trưởng); Phó Trưởng ban Ban Tôn giáo, Phó Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ (gọi chung là Phó Trưởng ban, Phó Chi cục trưởng).

c) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với công chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ; công chức các Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn chung

1. Về chính trị tư tưởng

Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần yêu nước nồng nàn, đặt lợi ích của

Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp; không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Bản thân và gia đình gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của nhà nước.

b) Có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan. Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân công của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

3. Về trình độ

a) Trình độ chuyên môn: Có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm và vị trí việc làm.

b) Trình độ lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên. Riêng Trưởng ban, Chi cục trưởng phải có trình độ cao cấp hoặc cử nhân lý luận chính trị.

c) Trình độ ngoại ngữ: Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 2 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ được xác định tương đương theo quy định.

d) Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc có văn bằng, chứng chỉ được xác định tương đương theo quy định.

4. Về năng lực và uy tín

a) Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ.

b) Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được

phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ.

c) Có kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được đảng viên, công chức, viên chức tin tưởng, tín nhiệm.

5. Về sức khỏe: Có đủ sức khỏe công tác theo quy định.

6. Tiêu chuẩn khác (khi xem xét bổ nhiệm):

a) Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Về độ tuổi: Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ: Bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ. Đối với chức danh lãnh đạo, quản lý Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện: Bổ nhiệm lần đầu không quá 45 tuổi đối với cả nam và nữ. Trường hợp các văn bản của Trung ương có quy định nội dung này thì thực hiện theo quy định của Trung ương..

c) Về quy hoạch: Công chức được bổ nhiệm phải được quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý dự kiến bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh tương đương chức danh dự kiến bổ nhiệm.

d) Kinh nghiệm công tác: Công chức được bổ nhiệm các chức danh cấp trưởng phải có thời gian giữ chức vụ cấp phó ít nhất 01 năm; công chức được bổ nhiệm các chức danh cấp phó phải có thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực liên quan đến chức danh được bổ nhiệm ít nhất 02 năm (trừ trường hợp điều động, luân chuyển theo yêu cầu công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị).

đ) Chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý: Từ năm 2022 trở đi, 100% công chức phải có Chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý tương đương chức vụ được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

e) Có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên, hoặc có trình độ được xác định tương đương quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên. Riêng Trưởng ban, Chi cục trưởng phải có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính trở lên, hoặc có trình độ được xác định tương đương quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính trở lên.

g) Được bổ nhiệm ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở lên. Riêng Trưởng ban, Chi cục trưởng phải đạt tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên.

h) Đánh giá công chức 03 năm gần nhất hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; phân loại đảng viên 3 năm gần nhất đạt đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

i) Không bổ nhiệm lần đầu công chức đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

k) Đối với công chức được bổ nhiệm lại: Ngoài đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại theo các quy định hiện hành; trong thời gian giữ chức vụ phải chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, văn bản quy phạm pháp luật hoặc có ít nhất 01 sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

CHƯƠNG II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH CỤ THỂ
Mục 1
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
CÁC ĐƠN VỊ THUỘC SỞ NỘI VỤ

Điều 3. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng và tương đương

Đảm bảo tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác

a) Có trình độ kiến thức chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên môn, nghiệp vụ đối với lĩnh vực được phân công. Có khả năng tham mưu, giúp lãnh đạo Sở trong việc cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Thành uỷ, Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ giao thành chương trình, kế hoạch công tác của ngành trên địa bàn thành phố.

b) Có khả năng chủ trì, tổng hợp, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng, sơ kết, tổng kết các chuyên đề, đề án của thành phố, của Sở theo lĩnh vực được phân công.

c) Có khả năng điều hành, đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của công chức, người lao động thuộc quyền quản lý; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Phong cách làm việc khoa học, công tâm, khách quan, trung thực.

2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Quản trị nhân lực và một số chuyên ngành khác liên quan.

3. Tiêu chuẩn khác:

a) Chức danh Chánh Văn phòng Sở: Ngoài các tiêu chuẩn trên, phải có khả năng tổng hợp, quản trị.

b) Chức danh Chánh Thanh tra Sở: Ngoài các tiêu chuẩn trên, phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Tiêu chuẩn chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương

Đảm bảo tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác

a) Có trình độ kiến thức chuyên môn phù hợp, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với lĩnh vực được phân công phụ trách. Có khả năng cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ giao vào thực tiễn công tác để đề xuất chương trình, kế hoạch công tác thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Có khả năng tham mưu, đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh; tham mưu giúp Trưởng phòng giải quyết các công việc trong lĩnh vực được phân công, phụ trách.

c) Phong cách làm việc khoa học, công tâm, khách quan, trung thực.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện như quy định đối với Trưởng phòng và tương đương quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quy định này.

3. Tiêu chuẩn khác:

a) Chức danh Phó Chánh Văn phòng Sở: Ngoài các quy định trên, phải có khả năng, kinh nghiệm làm công tác tham mưu tổng hợp; Phó Chánh Văn phòng Sở phụ trách hành chính, quản trị phải có nghiệp vụ, kinh nghiệm về quản trị, kế toán.

b) Chức danh Phó Chánh Thanh tra Sở: Ngoài các quy định trên, phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Mục 2

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CÁC CƠ QUAN TRỰC THUỘC SỞ NỘI VỤ

Điều 5. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng ban, Chi cục trưởng

Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân thành phố; các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác

a) Nắm vững những vấn đề cơ bản về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, thành phố. Nắm vững pháp luật, các văn bản pháp quy của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực, công việc được phân công phụ trách.

b) Có khả năng nghiên cứu, tiếp thu, vận dụng; tham mưu lãnh đạo Sở cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ giao thành chương trình, kế hoạch công tác cụ thể của ngành, Sở, của cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

c) Có khả năng chủ trì, tổng hợp, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng, sơ kết, tổng kết các chuyên đề, đề án của thành phố, của Sở theo lĩnh vực được phân công.

d) Có khả năng điều hành, đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Phong cách làm việc khoa học, công tâm, khách quan, trung thực.

đ) Am hiểu về công tác quản lý tài chính cơ quan, nhiệm vụ của chủ tài khoản, quản trị cơ quan.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Trưởng ban Ban Tôn giáo: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành, chuyên ngành: Tôn giáo, Luật, Hành chính, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Công tác xã hội, và một số chuyên ngành khác liên quan.

b) Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Kinh tế, và một số chuyên ngành khác liên quan.

c) Chi cục trưởng Chi cục Văn thư - Lưu trữ: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành, chuyên ngành: Lưu trữ, Thư viện, Luật, Hành chính.

Điều 6. Tiêu chuẩn chức danh Phó Trưởng ban, Phó Chi cục trưởng

Đảm bảo tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác

a) Có trình độ kiến thức chuyên môn phù hợp, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với lĩnh vực được phân công phụ trách. Có khả năng cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Thành uỷ, Hội đồng nhân dân thành phố, nhiệm vụ của Uỷ ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ giao vào thực tiễn công tác để đề xuất chương trình, kế hoạch công tác thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Có khả năng tham mưu, đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh; tham mưu giúp Trưởng ban, Chi cục trưởng giải quyết các công việc trong lĩnh vực được phân công, phụ trách.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện như quy định đối với Trưởng ban, Chi cục trưởng quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này.

Mục 3

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ PHÒNG NỘI VỤ THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN

Điều 7. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng

Đảm bảo tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác

a) Có trình độ kiến thức chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực Nội vụ tại địa phương; tham mưu, đề xuất triển khai có hiệu quả các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, thành phố, Quận ủy, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân quận, huyện; nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện giao và chương trình, kế hoạch chuyên môn về công tác nội vụ. Năng động, nhạy bén trong công tác, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

b) Có khả năng tổng hợp, chủ trì, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, nghiên cứu, xây dựng, sơ kết, tổng kết các chuyên đề, đề án; thanh tra, kiểm tra và tham mưu xử lý các vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ; đề xuất được các giải pháp để nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác nội vụ ở địa phương.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Nội vụ

d) Hiểu biết sâu về nghiệp vụ quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ; có kinh nghiệm tổ chức quản lý, điều hành thực hiện được nhiệm vụ của Phòng. Có năng lực lãnh đạo, điều hành, khả năng quy tụ, động viên công chức thuộc quyền quản lý phát huy năng lực, chủ động, sáng tạo, hoàn thành đảm bảo thời gian và chất lượng công việc được giao. Có khả năng phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành, chuyên ngành: Luật, Hành chính, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Tôn giáo, Quản trị nhân lực, Công tác tổ chức quản lý cán bộ, Công tác xã hội, Lưu trữ, Thư viện và một số chuyên ngành khác liên quan.

Điều 8. Tiêu chuẩn chức danh Phó Trưởng phòng

Đảm bảo tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 2, Chương I Quy định này, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể sau:

1. Năng lực công tác: Thực hiện như quy định đối với Trưởng phòng tại Khoản 1, Điều 7 Quy định này, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

a) Giúp Trưởng phòng giải quyết công việc chung.

b) Tham mưu giúp Trưởng phòng trong việc cụ thể hóa, triển khai hướng dẫn, tổ chức chỉ đạo thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của phòng và lĩnh vực công việc được phân công phụ trách.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện như quy định đối với cấp trưởng tại Khoản 2, Điều 7 Quy định này.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Quy định này, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức đáp ứng tiêu chuẩn tại quy định này và tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

2. Đối với công chức được bổ nhiệm thông qua thi tuyển, thực hiện theo các quy chế, quy định về thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý; không áp dụng theo quy định này.

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ phê duyệt tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các phòng, đơn vị thuộc Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng, Chi cục Văn thư - Lưu trữ theo quy định. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng